

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 258/2025/DS-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Rạt

Bà Võ Thị Kiều Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 241/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: tầng A (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà SailingTower – A P phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của ông V là bà Trần Thị Thu H – theo giấy ủy quyền số 089458.25 ký ngày 08/4/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ liên lạc: A N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thu H là ông Tống Hữu H1, chức vụ: cán bộ Ngân hàng TMCP Q. (giấy ủy quyền ngày số 036119.25 ngày 17/02/2025) (có mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Văn H2, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Anh T, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh. (ông H2 có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2025, các văn bản tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tống Hữu H1 trình bày và yêu cầu:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V1) đã ký với ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2077367.21 ngày 10/06/2021 với nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần Q cho ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T vay số tiền 3,600,000,000 đồng; Mục đích vay vốn: bù đắp tiền mua bất động sản tại thửa đất số: 114, tờ bản đồ số: 21, địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; Thời hạn vay: 240 tháng. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 11,50%/năm; Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,1%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc: hàng tháng vào ngày 30, kỳ đầu tiên vào ngày 30/07/2021, 24 tháng đầu gốc trả 5,000,000 đồng/tháng, Từ tháng 25-239 gốc trả 16,120,000 đồng/tháng, P gốc còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả lãi: hàng tháng vào ngày 30. Ngày trả phí: Theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần Q từng thời kỳ.

Ngày 30/06/2021, Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã giải ngân cho ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2077367(1).21 với số tiền 3,600,000,000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

- Hợp đồng tín dụng số 6584130.21 ngày 10/06/2021 với nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần Q cho ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T vay số tiền 600,000,000 đồng; Mục đích vay vốn: mua sắm trang thiết bị gia đình. Thời hạn vay: 90 tháng kể từ ngày tiếp theo giải ngân đến 30/06/2029. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 12,7%/năm; Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc: hàng tháng vào ngày 30, số tiền trả hàng tháng 6,250,000 đồng/tháng. Phần còn lại trả vào cuối kỳ. Kỳ đầu tiên vào ngày 30/07/2021. Ngày trả lãi: hàng tháng vào ngày 30. Ngày trả phí: Theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần Q từng thời kỳ.

Ngày 30/06/2021, Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã giải ngân cho ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6584130(1).21 với số tiền 600,000,000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 30/07/2022 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng N.

Ngày 24/3/2025, ông Phạm Văn H2 có Đơn đề nghị với nội dung đề nghị bán tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q với giá

3,575,000,000 đồng để thanh toán nợ và được miễn giảm lãi phí, chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm là 15,470,000 đồng.

Ngày 26/3/2025, Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã có Thông báo về việc chấp thuận phương án trả nợ của khách hàng với nội dung đồng ý cho ông H2 và bà T được bán tài sản với giá 3,575,000,000 đồng để thanh toán vào dư nợ gốc, miễn giảm lãi đến ngày thực thu, miễn giảm chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản là 15,470,000 đồng.

Ngày 27/3/2025, ông Phạm Văn H2, bà Nguyễn Anh T, Ngân hàng thương mại cổ phần Q và Bên mua/nhận chuyển nhượng tài sản có ký Biên bản thỏa thuận về việc Bán, chuyển nhượng tài sản để xử lý nợ của khách hàng vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Trong biên bản thỏa thuận, ông H2 và bà T đồng ý bán tài sản với giá 3,575,000,000 đồng để thu vào dư nợ gốc tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Cùng ngày, bên mua tài sản đã thanh toán số tiền trên để VIB tiến hành thu nợ và thực hiện miễn giảm lãi, phí.

Tạm tính đến ngày 11/9/2025, ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T đã thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền là: 4,629,693,092 đồng (trong đó: nợ gốc là 4,099,901,087 đồng, nợ lãi là 529,792,005 đồng). Tạm tính đến ngày 11/09/2025, ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T còn nợ Ngân hàng Q theo hợp đồng tín dụng số 2077367.21 ngày 10/06/2021 tổng số tiền là: 110,128,824 đồng, trong đó: Nợ gốc là 100,098,913 đồng; Nợ lãi trong hạn là 0 đồng; Nợ lãi quá hạn là 10,029,911 đồng. Vì vậy Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh:

Buộc ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 11/9/2025 là: 110,128,824 đồng (Một trăm mười triệu một trăm hai mươi tám nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 100,098,913 đồng; Nợ lãi trong hạn là 0 đồng; Nợ lãi quá hạn là 10,029,911 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại HĐTD, KUNN đã ký (Chi tiết tại HĐTD số 2077367.21 ngày 10/06/2021, Đơn đề nghị giải ngân kiểm kê ước nhận nợ số 2077367(1).21

Bị đơn là ông Phạm Văn H2 tại phiên tòa ông H2 thống nhất trình bày của đại diện Ngân hàng về việc Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V1) đã ký với ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T các Hợp đồng tín dụng và số tiền vay như phía Ngân hàng trình bày cũng như phương án trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 24/3/2025, ông Phạm Văn H2 có Đơn đề nghị với nội dung đề nghị bán tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q với giá 3,575,000,000 đồng để thanh toán nợ và được miễn giảm lãi phí, chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm là 15,470,000 đồng. Ngày 26/3/2025, Ngân hàng thương mại

cổ phần Q đã có Thông báo về việc chấp thuận phương án trả nợ của khách hàng với nội dung đồng ý cho ông H2 và bà T được bán tài sản với giá 3,575,000,000 để thanh toán vào dư nợ gốc, miễn giảm lãi đến ngày thực thu, miễn giảm chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản là 15,470,000 đồng.

Ngày 27/3/2025, ông Phạm Văn H2, bà Nguyễn Anh T, Ngân hàng thương mại cổ phần Q và Bên mua/nhận chuyển nhượng tài sản có ký Biên bản thỏa thuận về việc Bán, chuyển nhượng tài sản để xử lý nợ của khách hàng vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Trong biên bản thỏa thuận, ông H2 và bà T đồng ý bán tài sản với giá 3,575,000,000 đồng để thu vào dư nợ gốc tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Cùng ngày, bên mua tài sản đã thanh toán số tiền trên để VIB tiến hành thu nợ và thực hiện miễn giảm lãi, phí.

Tính đến ngày 11/9/2025, ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T đã thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền là: 4,629,693,092 đồng (trong đó: nợ gốc là 4,099,901,087 đồng, nợ lãi là 529,792,005 đồng). Tạm tính đến ngày 11/09/2025, ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T còn nợ Ngân hàng Q theo hợp đồng tín dụng số 2077367.21 ngày 10/06/2021 tổng số tiền là: 110,128,824 đồng, trong đó: Nợ gốc là 100,098,913 đồng; Nợ lãi trong hạn là 0 đồng; Nợ lãi quá hạn là 10,029,911 đồng nhưng hiện tại ông H2 và bà T không còn khả năng trả nợ nên đề nghị Ngân hàng cho ông trả dần đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Bị đơn là bà Nguyễn Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của bà và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: đây là tranh chấp về dân sự giữa pháp nhân với cá nhân, bị đơn là bà Nguyễn Anh T và ông Phạm Văn H2 vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Bà Nguyễn Anh T và ông Phạm Văn H2 đang cư trú tại ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào nội dung Hợp đồng cho vay số Hợp đồng tín dụng số 2077367.21 ngày 10/06/2021; Hợp đồng tín dụng số 6584130.21 ngày 10/06/2021 và lời khai của nguyên đơn, bị đơn thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập giao kết hợp đồng tín dụng về vay tài sản. Bà T, ông H2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận nên quyền và lợi ích hợp pháp của

nguyên đơn bị xâm phạm, vì vậy nguyên đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Anh T đã được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Q (V1) số tiền tạm tính đến ngày 10/02/2025 là: 5.493.973.408 đồng (Năm tỉ bốn trăm chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm lẻ tám đồng) bao gồm: nợ gốc là 3.675.098.913 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.312.297.155 đồng, nợ lãi quá hạn là 506.477.350 đồng và Ngân hàng TMCP Q (V1) được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 11/02/2025 cho đến khi ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Kế ước nhận nợ đã ký. Trường hợp ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 114, tờ bản đồ số: 21, địa chỉ: xã H, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 739221, số vào sổ cấp GCN: CH 08810 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 20/01/2021, cập nhật chuyển nhượng ngày 28/05/2021 đứng tên ông Phạm Văn H2". Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 4722, Quyền số: 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Long An công chứng ngày 11/06/2021 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng TMCP Q nhưng hiện nay chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 11/9/2025 là 110.128,824 đồng (Một trăm mười triệu một trăm hai mươi tám nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng), bao gồm dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2077367.21 ngày 10/06/2021 là 100,098,913 đồng, trong đó nợ gốc là 100,098,913 đồng, nợ lãi trong hạn 0 đồng; nợ lãi quá hạn là 10,029,911 đồng.

Ngân hàng TMCP Q được tính tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Kế ước nhận nợ đã ký (Chi tiết tại Hợp đồng tín dụng 2077367.21 ngày 10/06/2021 và Đơn đề nghị giải ngân

kiêm kê ước nhận nợ số 2077367 (1).21 ngày 30/6/2021 là không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Về nội dung: Ngày 10/6/2021, Ngân hàng TMCP Q (V1) ký với ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T hai hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 2077367.21: cho vay 3.600.000.000 đồng để bù đắp tiền mua bất động sản tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; thời hạn vay 240 tháng, lãi suất 11,5%/năm (điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,1%/năm).

Hợp đồng tín dụng số 6584130.21: cho vay 600.000.000 đồng để mua sắm trang thiết bị gia đình; thời hạn 90 tháng, lãi suất 12,7%/năm (điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,3%/năm).

Sau khi ký hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền theo các khế ước nhận nợ phù hợp với thỏa thuận và quy định pháp luật. Việc ký kết và thực hiện hai hợp đồng nói trên đều hợp pháp, được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

Về quá trình thực hiện nghĩa vụ: Trong quá trình thực hiện, ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, dẫn đến việc khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 30/7/2022, thuộc nhóm 5 – nợ xấu theo Điều 10 Thông tư 31/2024/TT-NHNN. Tại thời điểm xử lý nợ, ông H2 có đơn đề nghị bán tài sản thế chấp để thanh toán nợ, được V1 chấp thuận theo thông báo ngày 26/3/2025. Ngày 27/3/2025, hai bên cùng bên mua tài sản đã ký Biên bản thỏa thuận bán, chuyển nhượng tài sản để xử lý nợ; bên mua đã thanh toán 3.575.000.000 đồng cho V1 để thu hồi nợ và thực hiện miễn giảm lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận.

Theo chứng từ đối chiếu do Ngân hàng cung cấp, được bị đơn là ông H2 thống nhất và bà Nguyễn Anh T không có ý kiến phản đối, đến ngày 11/9/2025, ông H2 và bà T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng cộng 4.629.693.092 đồng, trong đó gốc 4.099.901.087 đồng, lãi 529.792.005 đồng. Tuy nhiên, đến cùng ngày vẫn còn nợ 110.128.824 đồng, gồm nợ gốc 100.098.913 đồng, lãi quá hạn 10.029.911 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Q và ông H2, bà T được giao kết đúng quy định pháp luật, có hiệu lực thi hành. Quá trình giải ngân, thu nợ và xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng TMCP Q thực hiện đúng quy định tại Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 299 Bộ luật Dân sự, và được khách hàng đồng thuận. Việc ông H2, bà T chưa thanh toán hết nợ gốc, lãi còn lại là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466

Bộ luật Dân sự, nên Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Tòa án buộc thanh toán số tiền còn thiếu là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về yêu cầu tính lãi phát sinh: yêu cầu của Ngân hàng về việc được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi ông H2 và bà T thanh toán hết nợ là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.506.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 110.128.824 đồng (*Một trăm mười triệu, một trăm hai mươi tám nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng*), gồm số tiền nợ gốc là 100,098,913 đồng; lãi trong hạn: 0 đồng; lãi quá hạn: 10,029,911 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T và ông H2 còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2. Về án phí: Buộc Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Anh T có nghĩa vụ liên đới chịu 5.506.000 đồng (năm triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu tiền án phí. H3 lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 56.746.000 (năm mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0010403 ngày 19/3/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh).

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ án.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3 – Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký
Nguyễn Thị Vụ